

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A- TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2017

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huê;

2. Bà Bế Thị Bay.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2017/QĐXX-ST ngày 15/9/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lương Thị X**; địa chỉ: Tổ 16, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn B**; địa chỉ: Tổ 16, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lương Thị X trình bày: Chị và anh Phạm Văn B chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn từ năm 1994, đến ngày 19/8/1996 chị và anh B mới tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A, huyện A (nay là thị xã A), tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh B thường xuyên uống rượu đánh đập, xúc phạm chị. Năm 2016 chị đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, Tòa án hòa giải và vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống, nhưng sau đó anh B vẫn không thay đổi dẫn đến tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Hiện nay không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc nên không thể kéo dài cuộc sống chung với nhau được, do vậy chị X yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Phạm Văn B.

Về con chung: Chị X và anh B có 03 con chung là Phạm Thị Mỹ T, sinh ngày 22/6/1996, cháu Phạm Văn N, sinh ngày 03/6/2000 và cháu Phạm Gia H, sinh ngày 08/4/2013. Phạm Thị Mỹ T đã trên 18 tuổi và tự lập được nên không yêu

cầu Tòa án giải quyết. Chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi các cháu N và H và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai có tại hồ sơ của Phạm Văn B trình thể hiện: Anh B và chị Lương Thị X tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A, huyện A cũ nay là thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 19/8/1996. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn và không thể kéo dài cuộc sống chung với nhau được nên anh B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị X.

Về con chung: Anh B và chị X có 03 con chung là Phạm Thị Mỹ T, sinh ngày 22/6/1996, cháu Phạm Văn N, sinh ngày 03/6/2000 và cháu Phạm Gia H, sinh ngày 08/4/2013. Phạm Thị Mỹ T đã trên 18 tuổi và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh B đồng ý để chị X trực tiếp nuôi cháu N và cháu H cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và tự lập được.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lương Thị X yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Phạm Văn B, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 16, phường A1, thị xã A, tỉnh G. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh G.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị X và anh Phạm Văn B chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn từ năm 1994 đến ngày 19/8/1996 mới đăng ký kết hôn, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh B được xác lập hợp pháp từ ngày 19/8/1996. Trong quá trình chung sống chị X và anh B có phát sinh mâu thuẫn nên chị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh B. Nhiều lần Tòa án thông báo hòa giải nhưng anh B không đến và có bản khai trình bày cũng đồng ý ly hôn với chị X. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị X và anh B là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị X với anh Phạm Văn B.

[3] Về nuôi con chung: Chị X và anh B có 03 con chung là Phạm Thị Mỹ T, sinh ngày 22/6/1996, cháu Phạm Văn N, sinh ngày 03/6/2000 và cháu Phạm Gia H, sinh ngày 08/4/2013. Phạm Thị Mỹ T đã trên 18 tuổi và tự lập được, chị X và anh B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi các cháu N và H và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của chị X được anh B đồng ý. Xét chị X có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con nên cần giao cho chị X trực tiếp

nuôi các cháu N và H là phù hợp. Chị X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị X và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Lương Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn anh Phạm Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị X cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Chấp nhận chị Lương Thị X ly hôn với anh Phạm Văn B.

- *Về nuôi con chung*: Giao cho chị Lương Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Phạm Văn N, sinh ngày 03/6/2000 và Phạm Gia H, sinh ngày 08/4/2013, khi các cháu N và H chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí*: Chị Lương Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000956 ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (20/9/2017), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND Phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Thảo